TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47A/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2025
V/v *"Kiện ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hòa;
2. Bà Nguyễn Thị Hằng;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Sơn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 120/2025/TLST - HNGĐ ngày 22/5/2025 về việc kiện "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phàn Thị T. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố C B, phường C, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh Lưu Quang D. Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Nơi thường trú: Tổ dân phố 9 Nam Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Tổ dân phố 30 Bắc Cường, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phàn Thị T trình bày: Chị và anh Lưu Quang D kết hôn ngày 05/02/2025 tại UBND phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh D thường uống rượu về nhà gây sự, đánh đuổi, doạ giết vợ. Bố mẹ, bạn bè đã khuyên giải nhưng không có kết quả, cuộc sống chung không cải thiện được. Vợ chồng anh chị chung sống ở tổ I, phường N, thành phố L (Nay là phường C, tỉnh Lào Cai) thời gian ngắn, sau đó chị T chuyển về nhà gần nhà bố mẹ đẻ ở tổ C, phường B, thành phố L (Nay là phường C, tỉnh Lào Cai)

sinh sống, thời điểm đó anh D đi làm và ở công trường rất ít khi về nhà. Đầu năm 2025 anh D bị tai nạn nên mới chuyển hẳn về ở tổ C, phường B, thành phố L để chị T tiện chăm sóc. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau, chị T lo sợ mỗi khi anh D uống rượu say, không kìm chế được bản thân. Đến nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Quang D.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra chị Phàn Thị T có một người con riêng tên là Phàn Hồng N sinh ngày 13/5/2011, hiện cháu N đang ở cùng chị T và do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do cháu không phải là con chung của chị T và anh D nên chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Lưu Quang D theo quy định, nhưng anh D không cung cấp bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử và căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp và tài liệu do Toà án thu thập được để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phàn Thị T, xử cho chị Phàn Thị T được ly hôn với anh Lưu Quang Dũng

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai theo khoản 1 Điều 28; Khoản 1 điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Lưu Quang D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 điều 227; Khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lưu Quang D.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Phàn Thị T và anh Lưu Quang D kết hôn với nhau ngày 05/02/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố L trên cơ

sở tự nguyện, do vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Theo biên bản xác minh ngày 15/8/2025 của Toà án tại tổ dân phố I N và tổ dân phố C B, trong thời gian cư trú ở tổ dân phố I N và tổ dân phố C B, vợ chồng chị T anh D thi thoảng có xảy ra cãi chửi nhau, mặt khác theo lời khai của mẹ chị T là bà Tần Thị G, vợ chồng chị T anh D thường xảy ra mâu thuẫn, khi xảy ra mâu thuẫn thì anh D gọi bố mẹ vợ lên giải quyết, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường hay uống rượu, say rượu về nhà chửi bới, đuổi đánh vợ thậm chí còn có lời nói, đe doạ vợ và bố mẹ vợ. Chị Phàn Thị T xác định bản thân không còn tình cảm vợ chồng, thời gian anh D bị tai nạn vì tình nghĩa nên chị vẫn chăm sóc chồng nhưng chị vẫn kiên quyết đề nghị toà án giải quyết ly hôn cho chị ổn định cuộc sống và yên tâm làm ăn. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Nguyên đơn chị Phàn Thị T trình bày chị có một người con riêng tên là Phàn Hồng N sinh ngày 13/5/2011. Hiện cháu N đang ở cùng chị T và do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, do cháu N không phải con chung của chị và anh D nên chị không đề nghị Toà án giải quyết, anh D không có ý kiến gì về con chung, không có tài liệu nào để xác định là con chung giữa chị T và anh D, do vậy Hội đồng xem xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phàn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phàn Thị T được ly hôn anh Lưu Quang D, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Phàn Thị T phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 267 ngày 22/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai (Nay là Phòng Thi hành dân sự khu vực 6 Lào Cai). Chị Phàn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Kv 6- Lào Cai (2);
- Các đương sự (2);
- Phòng THADS KV 6 - Lào Cai;
- UBND phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hòa **Nguyễn Thị Hằng** **Hà Thị Anh**

\

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã Nghĩa Đô
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh